

Phương Pháp Ráp Vần

Thứ tự	chữ cái (mẫu tự)	tên (tự)	âm
1	A	a	a
2	Ă	á	á
3	Â	ớ	ớ
4	B	bê	bờ
5	C	xê	cờ
6	D	dê	dờ
7	Đ	đê	đờ
8	E	e	e
9	Ê	ê	ê
10	G	giê	gờ
11	H	hát	hờ
12	I	i	i
13	K	ca	cờ
14	L	e-lờ	lờ
15	M	em mờ	mờ

Thứ tự	chữ cái (mẫu tự)	tên (tự)	âm
16	N	en nờ	nờ
17	O	o	o
18	Ô	ô	ô
19	Ơ	ơ	ơ
20	P	pê	pờ
21	Q	cu	quờ
22	R	e-rờ	rờ
23	S	et-sì	sờ
24	T	tê	tờ
25	U	u	u
26	Ư	ư	ư
27	V	vê	vờ
28	X	ích xì	xờ
29	Y	i cò rét	i

- Các chữ cái Việt ngữ đều có tên và âm, cũng như chữ B có tên bê nhưng có âm bờ
- Thí dụ chữ chữ E trong từ bell của tiếng Anh có tên “i:” nhưng phát ra âm “e”
- Hầu hết chữ được phân tách như sau: **Âm đầu + Vần + Thanh**
- Thí dụ chữ **TRƯỜNG** có âm đầu là **TR** + vần là **UÔNG** + thanh **HUYỀN**
- Khi ráp vần thì sẽ thành **TRỜ UÔNG TRƯƠNG HUYỀN TRƯỜNG**.

Đôi khi chữ không cần thiết phải có phụ âm đầu hay phụ âm cuối . Thí dụ chữ ANH (không phụ âm đầu) HÀ (không phụ âm cuối) AI (không phụ âm đầu hay cuối). Tuy nhiên chữ sẽ không được hình thành nếu không có nguyên âm.